

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Tổng dự toán và giá gói thầu số 01
(Thi công xây dựng công trình và bảo hiểm xây dựng công trình)
Công trình: Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ
Xuân, đoạn từ đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 4492/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; số 5076/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án; số 1398/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 về phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và chỉ dẫn kỹ thuật xây dựng công trình Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân;

Căn cứ Quyết định số 2215/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2605/TTr-SGTVT ngày 29/6/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh Tổng dự toán và giá gói thầu số 01 (Thi công xây dựng công trình và bảo hiểm xây dựng công trình) thuộc công trình: Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Tổng dự toán và giá gói thầu số 01 (Thi công xây dựng công trình và bảo hiểm xây dựng công trình) thuộc công trình: Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân với nội dung như sau:

I. Điều chỉnh tổng dự toán

1. Khái quát về dự toán được duyệt

Công trình Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và chỉ dẫn kỹ thuật tại Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 với tổng dự toán là 382.355.012.000 đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng	: 330.637.766.000 đồng;
- Chi phí Quản lý dự án	: 4.015.746.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	: 16.386.722.000 đồng;
- Chi phí khác	: 3.418.848.000 đồng;
- Chi phí dự phòng	: 27.895.930.000 đồng.

Hiện nay, Sở Giao thông vận tải đang triển khai thực hiện các bước tiếp theo để lựa chọn nhà thầu thi công công trình.

2. Lý do điều chỉnh tổng dự toán

Theo tổng dự toán công trình được phê duyệt tại Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 23/4/2020, đơn giá nhân công xây dựng và thiết bị, máy thi công được tính toán dựa trên Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh. Hiện nay, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2215/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh (thay thế Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 29/4/2016). Mặt khác, đơn giá xăng dầu, nhựa đường có thay đổi so với thời điểm phê duyệt nêu trên nên việc cập nhật và điều chỉnh lại dự toán trước khi lựa chọn nhà thầu là phù hợp và cần thiết.

3. Tổng dự toán điều chỉnh: 391.253.018.000 đồng (Ba trăm chín mươi mốt tỷ, hai trăm năm mươi ba triệu, không trăm mười tám nghìn đồng).

Trong đó:	- Chi phí xây dựng	: 338.048.634.000 đồng;
	- Chi phí quản lý dự án	: 4.105.754.000 đồng;
	- Chi phí tư vấn ĐTXD	: 16.454.275.000 đồng;
	- Chi phí khác	: 4.099.243.000 đồng;
	- Chi phí dự phòng	: 28.545.112.000 đồng.

(nội dung chi tiết như Tờ trình số 2605/TTr-SGTVT ngày 29/6/2020 của Sở Giao thông vận tải và phụ lục kèm theo).

II. Điều chỉnh giá gói thầu: Căn cứ dự toán điều chỉnh như trên, giá gói thầu số 1 - Thi công xây dựng công trình và bảo hiểm xây dựng công trình là **365.491.060.000 đồng** (Ba trăm sáu mươi lăm tỷ, bốn trăm chín mươi mốt triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Đơn vị: đồng

TT	Khoản mục chi phí	Theo QĐ số 2032/QĐ-UBND ngày 04/6/2020	Giá gói thầu duyet lần này	Chênh lệch
1	Xây dựng	327.573.823.000	338.048.634.000	10.474.811.000
2	Bảo hiểm công trình	818.935.000	837.999.000	19.064.000
3	Dự phòng	25.780.060.000	26.604.427.000	824.367.000
	- Khối lượng	16.378.691.000	16.902.432.000	523.741.000
	- Trượt giá	9.401.369.000	9.701.995.000	300.626.000
	Tổng cộng	354.172.818.000	365.491.060.000	11.318.242.000

Điều 2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế tổng dự toán trong Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 và giá gói thầu được phê duyệt tại Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH

Công trình: Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung chi phí	Theo Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 23/4/2020	Giá trị điều chỉnh	Chênh lệch (tăng)
I	Chi phí xây dựng	330.637.766.000	338.048.634.000	7.410.868.000
II	Chi phí quản lý dự án	4.015.746.000	4.105.754.000	90.008.000
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	16.386.722.000	16.454.275.000	67.553.000
1	Khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, lập hồ sơ cắm cọc GPMB và MLG	3.540.552.000	3.540.552.000	0.00
2	Lập đề cương, nhiệm vụ, giám sát khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi	133.087.000	133.087.000	0.00
3	Chi phí lập Kế hoạch bảo vệ môi trường	135.770.000	135.770.000	0.00
4	Chi phí cắm cọc GPMB và MLG	280.652.000	280.652.000	0.00
5	Khảo sát, lập thiết kế BVTC và dự toán	6.316.382.000	6.316.382.000	0.00
6	Lập nhiệm vụ khảo sát bước lập BVTC	29.386.000	29.386.000	0.00
7	Giám sát khảo sát bước lập BVTC	39.914.000	39.914.000	0.00
8	Thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán	457.442.000	457.442.000	0.00
9	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3.908.138.000	3.975.452.000	67.314.000
10	Chi phí giám sát môi trường khi thi công	200.000.000	200.000.000	0.00
11	Chi phí thẩm tra ATGT trước khi đưa vào sử dụng	100.000.000	100.000.000	0.00
12	Kiểm định, đánh giá chất lượng công trình	1.000.000.000	1.000.000.000	0.00
13	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	100.000.000	100.000.000	0.00
14	Thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	100.000.000	100.000.000	0.00
15	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu tư vấn đầu tư	30.266.000	30.425.000	159.000
16	Chi phí thẩm định HSMT và KQLCNT các gói thầu tư vấn đầu tư	15.133.000	15.213.000	80.000
IV	Chi phí khác	3.418.848.000	4.099.243.000	680.395.000
1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	315.443.000	316.915.000	1.472.000
2	Chi phí kiểm toán	887.446.000	899.491.000	12.045.000
3	Chi phí bảo hiểm công trình	826.594.000	845.122.000	18.528.000
4	Chi phí rà phá bom mìn	1.013.000.000	1.661.350.000	648.350.000
5	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	55.000.000	55.000.000	0.00
6	Phí thẩm định thiết kế BVTC	30.960.000	30.960.000	0.00
7	Phí thẩm định dự toán	29.156.000	29.156.000	0.00
8	Phí thẩm định thiết kế BVTC phần điện chiếu sáng	5.715.000	5.715.000	0.00
9	Thẩm định dự toán phần điện chiếu sáng	5.534.000	5.534.000	0.00

10	Kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng trong quá trình thực hiện	200.000.000	200.000.000	0.00
11	Chi phí cho hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu	50.000.000	50.000.000	0.00
V	Chi phí dự phòng	27.895.930.000	28.545.112.000	649.182.000
1	Dự phòng cho phát sinh khối lượng	17.722.954.000	18.135.395.000	412.441.000
2	Chi phí dự phòng cho trượt giá	10.172.976.000	10.409.717.000	236.741.000
TỔNG CỘNG		382.355.012.000	391.253.018.000	8.898.006.000